

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Tuyết Mai.
- Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1978; cư trú khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Ma Tiến S, sinh năm 1978; cư trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Bà và ông Ma Tiến S kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn giữa bà và ông S có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không có ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng của bà sống hạnh phúc đến năm 2012 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông S thường xuyên uống rượu, bia rồi về nhà đánh đập bà. Vì

thương các con nên bà cố gắng chịu đựng nhưng ông S vẫn không thay đổi mà tiếp tục đánh đập bà nhiều lần. Nay bà nhận thấy bà và ông S không còn tình cảm gì với nhau, không thể nào tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Ma Tiến S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có hai người con chung là Ma Thị Ngọc T1, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2003 và Ma Đức T2, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2010. Hiện nay Ma Thị Ngọc T1 đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu giao cháu Ma Đức T2 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bà. Bà xác định hiện nay vợ chồng của bà không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản đối với ai khác.

Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị đơn ông Ma Tiến S vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai đương sự, ông Ma Tiến S trình bày:

Ông xác định về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng ông như vợ của ông là bà Nguyễn Thị Xuân T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng của ông sống hạnh phúc chứ không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Đến đầu năm 2024 thì vợ chồng ông có xảy ra xích mích với nhau, bà T bỏ nhà đi cho đến nay nên ông không có gặp bà T để hoà giải. Hiện nay ông và bà T không còn sống chung với nhau. Nay bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, vì còn thương các con nên ông yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông có hai người con chung là Ma Thị Ngọc T1, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2003 và Ma Đức T2, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2010. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao Ma Đức T2 cho bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng; hiện nay bà Nguyễn Thị Xuân T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Ông không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay Ma Thị Ngọc T1 đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng ông. Hiện nay vợ chồng ông không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T; cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Ma Tiến S. Giao con chung của bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Ma Tiến S là cháu Ma Đức T2, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay Ma Thị Ngọc T1, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2003 đã thành niên; bà T và ông S đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu ông Ma Tiến S cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Ma Tiến S không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn ông Ma Tiến S cư trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Ma Tiến S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Ma Tiến S.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Ma Tiến S kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyển số 01/2003. Việc kết hôn giữa bà T và ông S tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa bà T và ông S là hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu ly hôn với ông Ma Tiến S vì cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc đến 2012 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông S thường xuyên uống rượu, bia rồi về nhà đánh đập bà; vì thương các con nên bà cố gắng chịu đựng nhưng ông S vẫn không thay đổi mà tiếp tục đánh đập bà nhiều lần. Ông S không đồng ý ly hôn với bà T vì cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng của ông sống hạnh phúc chứ không có mâu thuẫn gì trầm trọng; đến đầu năm 2024 thì vợ chồng ông có xảy ra kinh cãi với nhau, bà T bỏ nhà đi cho đến nay nên ông không có gặp bà T để hoà giải. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông S để tiến hành hòa giải, nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng bà T và ông S. Qua nhiều lần hoà giải, bà T vẫn yêu cầu ly hôn với ông S; ông S cho rằng vì còn thương các con

nên ông không đồng ý ly hôn mà ông yêu cầu được đoàn tụ nhưng ông S không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Toà án đưa vụ án ra xét xử với mục đích tiếp tục hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng bà T, ông S nhưng ông S không tham gia tố tụng tại phiên toà mà đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh hôn nhân giữa bà T và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cho bà T được ly hôn với ông S.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Ma Tiến S có hai người con chung là Ma Thị Ngọc T1, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2003 và Ma Đức T2, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2010. Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Ma Tiến S thống nhất giao con chung là cháu Ma Đức T2 cho bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2; cháu T2 có nguyện vọng ở với bà T. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu Ma Đức T2, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Ma Đức T2 cho bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu ông Ma Tiến S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với chị Ma Thị Ngọc T1 đã thành niên; bà T và ông S thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng ông S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà T. Khi cần thiết bà T và ông S đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Ma Tiến S đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T.

2. Về quan hệ hôn nhân:

2.1. Cho bà Nguyễn Thị Xuân T ly hôn với ông Ma Tiến S.

2.2. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân T ly hôn với ông Ma Tiến S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 22 tháng 12 năm 2003 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung của bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Ma Tiến S là cháu Ma Đức T2, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2010 cho bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hiện nay bà Nguyễn Thị Xuân T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Đức T2.

3.2. Bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu ông Ma Tiến S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

3.3. Ông Ma Tiến S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng ông Ma Tiến S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Nguyễn Thị Xuân T. Khi cần thiết bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Ma Tiến S đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Ma Tiến S không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Xuân T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002920 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày tháng năm 2025). Bị đơn ông Ma Tiến S vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA